

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31-8-2022

V/v ly hôn và nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khúc T Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh

Bà Đặng Thị Đôi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 10 tháng 5 năm 2022 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện K, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Trà M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trà M và anh Đoàn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 6 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh, chị cùng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc

sống sinh hoạt hàng ngày, anh T mãi chơi, ham mê cờ bạc không quan tâm đến đời sống gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải xong không cải thiện được mà ngày càng căng thẳng hơn. Chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân chị M và anh T không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn với anh Đoàn Văn T.

Về con chung: Chị M khai vợ chồng có 01 con chung là Đoàn Đức B, sinh ngày 20 tháng 3 năm 2019. Trường hợp ly hôn chị M đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị M tự thỏa thuận với anh T, do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị M đề tự thỏa thuận với anh T, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đoàn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ hai anh T vẫn vắng mặt tại Tòa án, tuy nhiên trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh T cũng đã có ý kiến đồng ý với lời khai của chị M về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng cũng như về con cái và tài sản chung. Nay chị M có đơn xin ly hôn với anh thì anh T cho rằng mâu thuẫn giữa anh và chị M chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt, vẫn còn tình cảm vợ chồng và không đồng ý ly hôn. Trong trường hợp ly hôn anh T đề nghị được nuôi cháu Đoàn Đức B, về cấp dưỡng nuôi con chung để anh T và chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản, công nợ chung, anh T đề nghị để tự thỏa thuận với chị M, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Trà M và anh Đoàn Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Trà M được ly hôn anh T. Về con chung, giao con là Đoàn Đức B cho chị M nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị M và anh T tự thỏa thuận giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung vợ chồng do chị M, anh T không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Đoàn Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ để anh T có mặt tại Toà án trình bày ý kiến của mình về việc chị Nguyễn Thị Trà M có đơn xin ly hôn nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là anh Đoàn Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Trà M và anh Đoàn Văn T được xác định là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, anh T mãi chơi, ham mê cờ bạc không quan tâm đến đời sống gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân chị M và anh T không còn quan tâm đến nhau nữa. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh T phù hợp với lời khai của chị M, anh T. Chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, anh T không đồng ý ly hôn nhưng không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án và vắng mặt tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa xét xử. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh T đã trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị M xin ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị M và anh T có 01 con chung là Đoàn Đức B sinh ngày 20 tháng 3 năm 2019. Trường hợp ly hôn chị M đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B vì hiện nay cháu B còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ. Anh T vắng mặt nhưng cũng đã có ý kiến đề nghị được nuôi dưỡng cháu B trong trường hợp ly hôn. Việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như đảm bảo quyền được chăm sóc nuôi dưỡng con của cả cha, mẹ. Tài liệu xác minh thể hiện chị M có đủ điều kiện để đảm bảo cháu B có thể nuôi dưỡng và chăm sóc con tốt. Mặt khác cháu B hiện đang ở cùng chị M và cháu B còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ nên việc giao con chung cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị M đề nghị để tự thỏa thuận với anh T, anh T vắng mặt và chưa có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung do vậy tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh T cho đến khi chị M có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị M, anh T khai vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trà M được ly hôn anh Đoàn Văn T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Đoàn Đức B sinh ngày 20 tháng 3 năm 2019 cho chị Nguyễn Thị Trà M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Đoàn Văn T cho đến khi chị Nguyễn Thị Trà M có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trà M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai số 0002044 ngày 15/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng. Chị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Trà M có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đoàn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Khúc Thị Minh – Đặng Thị Đôi

Khúc T Quang

